

ĐIỀU LỆ - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINH PHÚC

13.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
14.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
15.	Bốc xếp hàng hóa	5224
16.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư, thu hút đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán)	6619
17.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
18.	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: - Thu gom các chất thải rắn không độc hại; - Thu gom các nguyên liệu có thể tái chế; - Thu gom dầu và mỡ ăn đã qua sử dụng; - Thu gom rác thải trong thùng rác ở nơi công cộng; - Thu gom rác thải từ công trình xây dựng và bị phá hủy; - Thu gom và dọn dẹp các mảnh vụn như cành cây và gạch vỡ; - Thu gom rác thải đầu ra của các nhà máy dệt; - Hoạt động của các trạm gom rác không độc hại. <i>Loại trừ:</i> - Thu gom rác độc hại được phân vào nhóm 3812 (Thu gom rác thải độc hại); - Hoạt động của khu đất cho tiêu hủy rác thải không độc hại được phân vào nhóm 3821 (Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại); - Hoạt động của các cơ sở nơi mà nguyên, vật liệu có thể tái sử dụng đang ở dạng hỗn hợp như giấy, nhựa v.v... cần được phân loại riêng được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu). <b>- Dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình.</b>	3811
19.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông - Giám sát và quan trắc môi trường, xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	7110
21.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp	7410
22.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ khách sạn	5510
23.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống, suất ăn công nghiệp	5610
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hoá đường bộ bằng ô tô	4933
25.	<b>Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Loại trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến)</b>	4661
26.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
27.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp	4299
28.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: - Xây dựng công trình giao thông đường bộ	4212
29.	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: - Xây dựng công trình thủy lợi	4291

**ĐIỀU LỆ - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINH PHÚC**

30.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
34.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: - Trồng cây, chăm sóc và duy trì	8130
35.	Trồng hoa, cây cảnh	0118
36.	Trồng cây xanh bóng mát	0129
37.	Bán buôn hoa và cây cảnh	4620
38.	Bán lẻ hoa, cây cảnh	4773
39.	<p>Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết:</p> <p><b>Thoát nước:</b> Hoạt động của hệ thống thoát nước gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyên tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải.</p> <p>- Thu gom và vận chuyển nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), khu dân cư nông thôn tập trung thông qua hệ thống thoát nước.</p> <p>- Duy tu và bảo dưỡng hệ thống thoát nước.</p> <p><b>Xử lý nước thải,</b> nhóm này gồm:</p> <p>- Hoạt động của các công trình xử lý nước thải, bùn thải.</p> <p>- Xử lý nước thải, bùn thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải khác) bằng các công trình xử lý nước thải, bùn thải.</p> <p>- Duy tu và bảo dưỡng các công trình xử lý nước thải, bùn thải.</p>	3700
40.	<p>Kinh doanh dịch vụ khu du lịch sinh thái</p> <p>Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Kinh doanh khu du lịch sinh thái, vui chơi giải trí.</p>	9321



**PHỤ LỤC 2.**

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP  
VÀO NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**

TT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Loại, số, ngày, cơ quan cấp CMTND/CCCD	Vốn góp tại thời điểm thành lập		
				Số lượng (cổ phần)	Tổng số cổ phần Giá trị (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ năm giữ trên vốn điều lệ
1	Trịnh Việt Dũng	Số 47, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội				
2	Văn Phụng Hà	Phòng 1407, Lakeside C, Khu đô thị Chí Linh, Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu				
3	Phạm Hữu Ái	Số 5/115, Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội				
4	Phùng Văn Quý	Số 116, Quán Tiên, Hội Hợp, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc				
5	Lê Tùng Sơn	Số 6 ngách 463/17, Đội Cấn, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội				
	<b>Tổng</b>					



## THUYẾT MINH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Dự thảo Điều lệ mới này được lập dựa trên quy định của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực ngày 01/10/2021;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

- Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Theo đó, Dự thảo Điều lệ mới này tập trung điều chỉnh các nội dung sau đây:

- 1) Cập nhật các thay đổi của pháp luật liên quan đến Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;
- 2) Thay đổi cấu trúc, thứ tự các điều khoản trong Điều lệ để phù hợp với cấu trúc mới của Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC;
- 3) Lược bỏ các quy định không còn phù hợp hoặc không thể áp dụng với Công ty;

Cụ thể:

Stt	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi	Giải trình lý do	
1	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</b> 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:  a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</b> 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:  a) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã được ghi trong Điều Lệ Công ty.  đ) "Người quản lý Công ty" bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;  g) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;	<b>Giải trình lý do</b> - Cập nhật các thông tin về Luật hiện hành; - Bổ sung một số thuật ngữ thường xuyên sử dụng trong Điều lệ; - Sửa đổi khái niệm một số thuật ngữ sát nghĩa với quy định trong Luật hiện hành; - Thay đổi cấu trúc, thứ tự các điểm cho logic	Bổ sung theo điểm k, khoản 1 Điều 1 - Phụ Lục I của TT 116/2020

<p><b>KHÔNG CÓ</b></p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p> <p>h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>k. "Quyền chi phối của Công ty" là quyền của Công ty với tư cách là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, góp vốn chi phối tại Công ty khác hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường, có quyền quyết định đối với Điều lệ, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt của công ty đó.</p> <p>o. "Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Công ty" là Doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Công ty nhưng tự nguyện tham gia làm thành viên của Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Công ty theo Hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa Công ty đó với Công ty.</p> <p>p. "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị phụ thuộc Công ty, có tư cách pháp nhân không đầy đủ.</p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p>g) "<u>Cổ đông</u>" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.</p> <p>h) "<u>Cổ đông sáng lập</u>" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần</p> <p>j) "<u>Thời hạn hoạt động</u>" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và có thể được thay đổi nếu được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;</p> <p>m) "<u>Quyền chi phối của Công ty</u>" là quyền của Công ty Mẹ với tư cách là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, góp vốn chi phối tại Công ty con hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của Công ty con, quyết định đối với Điều lệ, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt của Công ty con đó.</p> <p><b>LƯU Ý</b></p> <p>r) "<u>Đơn vị trực thuộc</u>" bao gồm: các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Công ty con.</p> <p>s) "<u>Đơn vị phụ thuộc</u>: là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, bao gồm: các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh</p>	<p>- Bổ sung theo điểm I, khoản I Điều 1 - Phụ Lục I của TT 116/2020</p> <p>- Sửa đổi theo điểm n khoản I Điều 1 - Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Giải thích thuật ngữ rõ nghĩa hơn</p> <p>- Bổ sung, sửa đổi theo Điều 44 Luật DN 2020</p> <p>- Bổ sung "Địa điểm kinh doanh" theo Điều 2 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Bổ sung theo đúng tên viết tắt trong GCN ĐKDN đã được cấp</p>
<p>ĐIỀU 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tên giao dịch viết tắt: VPID-JSC</li> </ul>	<p>ĐIỀU 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tên giao dịch viết tắt: VPID-JSC</li> </ul>	<p>ĐIỀU 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tên giao dịch viết tắt: VPID</li> </ul> <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân</p>



	<p>phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Website: <a href="http://www.vpid.vn">http://www.vpid.vn</a>;</li> </ul> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 64 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 65 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>2. <u>Hình thức Công ty</u>: là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Website: <a href="http://www.vpid.vn">http://www.vpid.vn</a>; <a href="http://www.vpid.com.vn">http://www.vpid.com.vn</a></li> </ul> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 59 Luật Doanh nghiệp, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>- Bổ sung thêm tên miền đã đăng ký</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 5 Điều 2 - Phụ lục I của TT 116/2020 (Chỉ khi thời hạn hoạt động là hữu hạn thì mới có nội dung gia hạn).</p>
<p>3</p> <p><b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b></p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p><b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b></p> <p>1. Công ty chỉ có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Quyết định của HĐQT tại từng thời điểm.</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:</p> <p>a) <u>Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;</u></p> <p>b) <u>Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u></p> <p>c) <u>Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật</u></p>	<p>- Bổ sung theo khoản 2 Điều 12 Luật DN 2020</p> <p>- Bổ sung theo khoản 1 Điều 12 Luật DN 2020</p> <p>- Bổ sung nội dung theo Điều 13 Luật DN</p>	



	<p>1. Tổng giám đốc. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt nam; Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</li> <li>- Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty</li> </ul> <p>- Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thực hiện thực hiện nhiệm vụ của mình với trách nhiệm được quy định trong quy định cụ thể tại Điều 13 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>4</p> <p><b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b></p> <p><b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm và phù hợp với định hướng phát triển</p>
<p><u>này.</u> <u>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiết hai cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.</u></p>	<p>4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt nam; Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>6. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>7. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thực hiện nhiệm vụ của mình với trách nhiệm được quy định cụ thể tại Điều 13 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>- Bổ sung theo Luật Đầu tư 2020 và Luật DN 2020</p> <p><b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TẠI ĐA TÀI CÔNG TY</b></p> <p><b>Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định cụ thể tại Phụ lục I đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này. Tùy từng thời điểm,</p>
<p>- Trong Điều lệ cũ: Đây là nội dung quy định về Người đại diện theo PL, chứ không phải là quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo PL</p>	<p>- Sửa đổi nội dung ngành nghề kinh doanh, vi: + ND ngành nghề kinh doanh là bắt buộc phải có trong Điều lệ -</p>	

	<p>của Công ty.</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:          Công ty được thành lập để huy động và sử dụng các nguồn lực như vốn, công nghệ, con người một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, phát triển Công ty và đóng thuế cho Nhà nước.</p>	<p>theo mục tiêu hoạt động của Công ty mà Phụ lục này có thể được bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp, theo đúng quy định của Pháp luật.</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:  <u>Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm: (1) tối đa hóa lợi ích và nâng cao giá trị của Công ty trong sự hài hòa lợi ích của các Cổ đông; (2) không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập và môi trường làm việc của người lao động; và (3) đảm bảo lợi ích của các bên liên quan khác nhằm hướng đến việc phát triển bền vững và có trách nhiệm.</u></p>	<p>theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Luật DN 2020.          + ND trong Điều lệ cũ: không phải là ngành nghề kinh doanh, mà là phạm vi kinh doanh          - Sửa đổi mục tiêu hoạt động: nêu rõ 03 mục tiêu hoạt động một cách rõ ràng</p>
5	<p><b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b></p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p><b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa</b></p> <p>1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</p> <p>2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 30% vốn điều lệ.</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 8 Luật DN 2020 và Điều 5- Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>Bổ sung tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa</p>
6	<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b>  <b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>4. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp. Mỗi giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi danh chỉ đại diện cho</p>	<p>Bổ sung cụ thể nội dung của giấy chứng nhận cổ phiếu</p>



	<p><b>Điểm 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b> Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	<p><b>Điểm 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b> Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo Điều 8 - Phụ lục I của TT116/2020</p>
7	<p><b>Điểm 11. Mô hình quản trị Công ty</b> Mô hình quản trị Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc.</p>	<p><b>Điểm 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và Kiểm soát</b> Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT; 3. Tổng giám đốc.</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản I Điều 137 Luật DN2020 và Điều 11 - Phụ lục I của TT116</p>
8	<p><b>Điểm 12. Quyền của cổ đông</b> 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; phiếu từ xa; phiếu từ xa;</p>	<p><b>Điểm 12. Quyền của cổ đông</b> 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p>	<p>- Sửa đổi theo điểm a khoản I Điều 115 Luật DN 2020 và điểm a khoản I Điều 12 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>
9	<p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05 % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong</p>	<p>c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản I Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty</p> <p><b>BỘ</b></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05 % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: b) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>- Sửa đổi theo điểm d khoản I Điều 115 Luật DN 2020 và điểm d khoản I Điều 12 - Phụ lục I của TT 116/2020 - Sửa đổi theo điểm c khoản I Điều 115 Luật DN 2020 và điểm c khoản I Điều 12 - Phụ lục I của TT 116/2020 - Luật DN 2020 đã bỏ nội dung này</p>

	<p>trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>đồng theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung và lược bớt nội dung theo điểm b khoản 2 Điều 115 Luật DN 2020 và điểm a khoản 2 Điều 12 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>
<p>10</p>	<p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b> Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. ...</li> <li>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> </ol> </li> </ol> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</li> </ol> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b> Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. ...</li> <li>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>b) Ủy quyền cho các cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định trong Điều Lệ Công ty.</li> </ol> </li> <li>3. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của ĐH ĐCD, HĐQT.</li> <li>4. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</li> <li>5. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới các hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông</li> </ol>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 119 Luật DN 2020 và Điều 13 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>

	<p><b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p>đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiết hại khác xảy ra.</p> <p>2. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p>11</p>	<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty phải mời đại diện kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội</p>	<p>- Bổ sung theo Điều 138 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 14 - Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>- Bổ sung theo Điều 139 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 14 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>



<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 14 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>	<p>dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, Báo cáo tài chính quý, bán niên hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 14 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>
<p>12</p> <p><b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p>	<p><b>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty;</p> <p>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;</p> <p>k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định</p>	<p>Sửa đổi toàn bộ nội dung theo quy định tại Điều 138 Luật DN 2020 và Điều 15 – Phụ lục I của TT 116/2020</p>

<p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp</p>	<p>công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;</p> <p>h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>i) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>j) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>k) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>l) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần</p>
--	--

	<p>việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><u>nhất đã được kiểm toán của Công ty:</u></p> <p>n) <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</u></p> <p>o) <u>Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;</u></p> <p>p) <u>Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>q) <u>Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</u></p> <p>r) <u>Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy cheeskhacs của Công ty.</u></p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>13</p>	<p><b>Điều 16. Đại diện được ủy quyền</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cho mỗi người đại diện một phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p><b>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự cuộc họp hoặc có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có các nội dung quy định sau đây:</p>	<p>- Sửa đổi tiêu đề theo Điều 16 - Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 144 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 16 - Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 144 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 16 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>

	<p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p><b>BỘ</b></p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 6 Điều 149 Luật Dn 2020 và khoản 1 Điều 17 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
<p>14</p>	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <u>Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần</p>	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p> <p>Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 6 Điều 149 Luật Dn 2020 và khoản 1 Điều 17 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>ừ đầy nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>		
<p>15</p>	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p><b>KHÔNG CỎ</b></p>	<p>ừ đầy nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>- Sửa đổi theo khoản 1 Điều 140 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 18 - Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>- Sửa đổi theo khoản 1 Điều 141 LDN 2020 và khoản 2 Điều 18 - Phụ lục I của TT 116/2020</p> <p>- Bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 142 Luật DN 2020 và khoản 6 Điều 18 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>
<p>16</p>	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi</p>	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo Điều 146 Luật DN và Điều 20 - Phụ lục I của TT 116/2020</p>



<p>đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, phân đôi, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và biểu quyết tại đại hội sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phân đôi để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện được ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham dự và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>Trình tự đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 20 – Phụ lục I của TT116</p>
	<p>- Sửa đổi theo điểm b khoản 1 Điều 20 - Phụ lục I của TT116/2020</p>	

<p>nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>đồng điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b) <u>Trừ trường hợp quy định tại điểm a) khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>c) <u>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</u></p> <p>d) <u>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>3. <u>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</u></p> <p>4. <u>Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</u></p> <p>a. <u>Bổ trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>b. <u>Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.</u></p> <p>c. <u>Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</u></p> <p>5. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u></p> <p>6. <u>Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc</u></p>	<p>- Bổ sung theo khoản 2 Điều 146 Luật DN và khoản 2 Điều 20 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Bổ sung theo khoản 3 Điều 146 Luật DN và khoản 3 Điều 20 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Bổ sung theo khoản 4 Điều 146 Luật DN 2020 và khoản 4 Điều 20 - Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 6 Điều 146 Luật DN 2020 và khoản 5, 6 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
---	---	--

<p>8. ....</p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p>hợp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. ....</p> <p>8. ....</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p><b>BỔ</b></p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Bỏ trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</li> <li>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</li> </ul>
<p>Bổ sung theo khoản 9 Điều 146 Luật DN 2020 và khoản 9 Điều 20 – Phụ lục I của TT116/2020</p>	<p>Bổ sung theo khoản 10 Điều 20 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
	<p>LUỘC BỎ vì trong khoản 4 Điều 20 Điều lệ sửa đổi đã có nội dung này</p>



17	<p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bổ trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p><b>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 50 % trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p>	<p><b>BỘ</b></p> <p><b>BỘ</b></p> <p><b>BỘ</b></p> <p><b>Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 50 % trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>LƯỠC BỔ vì đã bổ sung, sửa đổi toàn bộ nội dung này tại Điều 14 của Điều lệ sửa đổi</p>
		<p>Sửa đổi tiêu đề theo Điều 148 Luật DN 2020 và Điều 21 – Phụ Lục I của TT116/2020</p>	

<p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Phụ Lục I của TT116/2020 không có nội dung này</p> <p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 148 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 21 – Phụ Lục I của TT116/2020</p>
<p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; Tổ chức lại giải thể Công ty; việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>LƯU Ý</b></p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan nội dung sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp trừ trường hợp quy định tại các khoản 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Sửa đổi bổ sung điều lệ</li> <li>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>Tổ chức lại, giải thể Công ty</li> <li>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</li> <li>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;</li> <li>Vấn đề khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.</li> </ol>	<p>Phụ Lục I của TT116/2020 không có nội dung này</p> <p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 148 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 21 – Phụ Lục I của TT116/2020</p>
<p>18</p>	<p><b>Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</li> <li>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự</li> </ol>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1 Điều 149 Luật DN 2020 và Khoản 1 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
<p><b>Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</li> <li>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự</li> </ol>	<p><b>Điều 22 Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</li> <li>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự</li> </ol>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1 Điều 149 Luật DN 2020 và Khoản 1 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

19	<p>liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức sau đây</p> <p>a) Gửi thư: <u>phiếu lấy ý kiến</u> đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>đ) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 149 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Sửa đổi theo điểm g, khoản 3 Điều 149 Luật DN 2020 và điểm g khoản 3 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 4 Điều 149 Luật DN 2020 và khoản 4 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo khoản 4 Điều 149 Luật DN 2020 và khoản 5 Điều 22 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
19	<p><b>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. ....</p>	<p><b>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. ....</p>	

<p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p>i) <u>Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p> <p><b>LƯỢC BỎ</b></p> <p><b>LƯỢC BỎ</b></p> <p><b>LƯỢC BỎ</b></p>	<p>Bổ sung theo điểm i, khoản 1, Điều 150 Luật DN 2020 và điểm i, khoản 1 Điều 23 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo Điều 23 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>
---	---	---

20	<p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>Nghị quyết</u> hoặc <u>một phần nội dung Nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. ....</li> <li>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</li> </ol>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. ....</li> <li>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</li> </ol> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>- Sửa đổi theo Điều 151 Luật DN 2020 và Điều 24 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>- Sửa đổi theo Điều 151 Luật DN và Điều 24 – Phụ lục I của TT16</p> <p>Lược bỏ bớt theo khoản 2 Điều 24 của TT116/2020</p>
21	<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị ...</li> <li>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động</li> </ol>	<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị ...</li> <li>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản</li> </ol>	<p>- Theo Luật DN 2020 không yêu cầu nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục 06 tháng</p> <p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 25 – Phụ lục I của TT116/2020</p>



	<p>trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>22</p>	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b> <b>KHÔNG CÓ</b></p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: a) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: i. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên; ii. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; iii. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. 5. Thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp. b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 154 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 26- Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 26 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 26 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p> <p>c) <u>Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.</u></p> <p>d) <u>Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của một Công ty bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.</u></p> <p>e) <u>Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>6. <u>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp:</u></p> <p>6.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều này và Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;</p> <p>c) <u>Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không có năng lực hành vi;</u></p> <p>6.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>b) <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>c) <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công ty.</u></p>	<p>Bổ sung theo Điều 155 Luật DN 2020</p> <p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 160 Luật DN</p> <p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 160 Luật DN</p>
23	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải</p>	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải</p>

<p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác do công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 153 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 27 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Sửa đổi, bổ sung, sắp xếp thay đổi cấu trúc, thứ tự các điểm cho logic đúng thứ tự theo khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 27 – Phụ lục I của TT116/2020.</p> <p>Tạo thuận tiện cho quá trình kiểm tra đề sửa đổi, bổ sung sau này khi Luật thay đổi</p> <p>Bổ nghĩa vụ điểm o) “Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc” vì: Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, và sau khi hoàn thành việc bổ nhiệm, HĐQT có nghĩa vụ báo cáo kết quả cho ĐHQĐ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Do đó không cần quy định cụ thể về vấn đề này trong thẩm quyền của HĐQT</p>
<p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác do công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 153 Luật DN 2020 và khoản 1 Điều 27 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Sửa đổi, bổ sung, sắp xếp thay đổi cấu trúc, thứ tự các điểm cho logic đúng thứ tự theo khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 27 – Phụ lục I của TT116/2020.</p> <p>Tạo thuận tiện cho quá trình kiểm tra đề sửa đổi, bổ sung sau này khi Luật thay đổi</p> <p>Bổ nghĩa vụ điểm o) “Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc” vì: Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, và sau khi hoàn thành việc bổ nhiệm, HĐQT có nghĩa vụ báo cáo kết quả cho ĐHQĐ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Do đó không cần quy định cụ thể về vấn đề này trong thẩm quyền của HĐQT</p>

<p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p>	<p>người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Kiểm nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>Kiểm nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.</p>
--	---

LƯU Ý BỔ do đã nằm trong nội dung quyền và nghĩa vụ của HĐQT

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều Lệ Công ty.

**BỘ**

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3, 4 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
  - d. Chi định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 05% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười

<p>hai (12) tháng; j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty; k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. 4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Báo cáo của Hội đồng quản trị có thể bao gồm nội dung thẩm định của Tiểu ban Kiểm toán. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. 5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 3 Điều 27 – Phụ lục I của TT16</p> <p><b>LƯỢC BỎ</b> vì theo đó trong Điều lệ sửa đổi không nêu tức là được phép, do đó không cần thiết nêu ra</p>
<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng Khoán.</p> <p style="text-align: center;"><b>BỎ</b></p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 156 Luật DN 2020, khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020 và khoản 3 Điều 29 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết</p>	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết</p>
<p><b>Điều 29. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p>

	<p><u>định của Hội đồng quản trị:</u></p> <p>e) <u>Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u>  f) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty</u></p> <p>4. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</u></p> <p>5. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><b><u>BỘ</u></b></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 29 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 156 Luật DN 2020 và khoản 5 Điều 29 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các</p>		<p>LƯỢC BỎ vì nghĩa vụ này là không đầy đủ</p>

	<p>có đồng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p style="text-align: center;"><b><u>BỘ</u></b></p>	
25	<p><b>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc</p>	<p style="text-align: center;"><b><u>BỘ</u></b></p> <p><b>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 157 Luật DN 2020 và Điều 30 – Phụ lục I của TT116/2020</p>



<p>họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>a) <u>Ít nhất 2 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b) <u>Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</u></p> <p>c) <u>Đa số thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u></p> <p style="text-align: center;"><b>BỒ</b></p> <p>5. Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 30 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
<p>họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>b. <u>Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</u></p> <p>c. <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d. <u>Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>e. <u>Các trường hợp khác (nếu có).</u></p> <p style="text-align: center;"><b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 31 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
<p>3. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>4. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>a) <u>Ít nhất 2 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b) <u>Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</u></p> <p>c) <u>Đa số thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u></p> <p style="text-align: center;"><b>BỒ</b></p> <p>5. Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 31. Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập <u>tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro nếu thấy cần thiết và vào thời điểm thích hợp. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 31 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
<p>26</p> <p><b>Điều 31. Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban kiểm toán; tiểu ban nghiên cứu đầu tư. Hội đồng quản trị có thể thành lập thêm tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho các Ủy ban/Tiểu ban quy định tại khoản 1 Điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác, thành viên của Ủy ban/Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên của Ủy ban/Tiểu</p>	<p><b>Điều 31. Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập <u>tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro nếu thấy cần thiết và vào thời điểm thích hợp. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 31 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

<p>ban do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Hoạt động của các Ủy ban/Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của các Ủy ban/Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>5. ....</p> <p>6. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban/Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.</p> <p>7. Các quy định liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng của Ủy ban kiểm toán :</p> <p>7.1 Vị trí, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán: Là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>7.2 Thông qua quyết định của Ủy ban kiểm toán: Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán có quy định tỉ</p>	<p>2.....</p> <p><b>BỔ</b></p> <p><b>BỔ</b></p> <p>LƯỢC BỔ vì sẽ đưa vào mục riêng ỦY BAN KIỂM TOÁN phía sau</p>
--	--

	<p>lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số các thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p> <p>7.3. Ủy ban kiểm toán có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;</li> <li>b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;</li> <li>c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;</li> <li>đ. Kiến nghị Công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với Công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;</li> <li>e. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;</li> <li>g. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.</li> </ul>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 32 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
		<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản</p>
<p>27</p>	<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có</p>	

	<p>hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p>	<p>trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. <u>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</u></p> <p>2. <u>Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u></p> <p>3. <u>Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <p>b) <u>Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u></p> <p>h) <u>Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</u></p>	
28	<p><b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p><b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>2. <u>Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</u></p>	
29	<p><b>Điều 34. Người điều hành</b></p> <p>1. ....</p> <p>2. ....</p> <p>3. ....</p> <p><b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p><b>Điều 34. Người điều hành</b></p> <p>1. <u>Người điều hành Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và chức danh quan trọng khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty.</u></p> <p>2. ....</p> <p>3. ....</p> <p>4. <u>Tiền lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p>5. <u>HDQT sẽ quy định chi tiết việc miễn nhiệm, bãi nhiệm người</u></p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 34 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Bổ sung theo Điều 163 Luật DN 2020 và khoản 4 Điều 34 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	KHÔNG CÓ	điều hành công ty tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	
30	<p><b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p><b>Điều 35. Tổng giám đốc</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các Hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh hàng năm và kế hoạch đầu tư của công ty đã được Hội đồng quản</p>	<p>Lược bỏ một số nội dung vì nội dung đó đã nêu ở Điều 39 của Điều lệ và các quy chế nội bộ đang áp dụng</p> <p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 162 Luật DN 2020 và khoản 2 Điều 35 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 162 Luật DN 2020 và khoản 3 Điều 35 – Phụ lục I của TT116/2020</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 162 Luật DN 2020 và khoản 4 Điều 35 – Phụ lục I của TT116/2020; kết hợp sắp xếp lại cấu trúc</p>
	<p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ</p>		

<p>quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p>	<p>tri và Đại hội đồng cổ đông thông qua đạt hiệu quả tốt nhất</p> <p>c) <u>Kiến nghị số lượng và cán bộ quản lý Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và điều khoản khác của Hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.</u></p> <p>d) <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>e) <u>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty (theo quy chế trả lương, trả thưởng đã được Hội đồng quản trị phê duyệt), kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</u></p> <p>f) <u>Tuyển dụng lao động; quyết định số lượng người lao động trong công ty;</u></p> <p>g) <u>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p> <p>h) <u>Phê duyệt thiết kế, dự toán chi tiết của từng hạng mục trong dự án (không vượt quá giá trị dự án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt), hồ sơ mời thầu, kết quả trúng thầu (không vượt quá giá trị gói thầu, dự toán đã được Hội đồng quản trị phê duyệt) và các hoạt động khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng;</u></p> <p>i) <u>Quyết định việc mua sắm, thuê mua theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư hàng năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt; quyết định việc mua sắm ngoài kế hoạch cần phải thực hiện ngay để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh (không vượt quá giá trị đã được Hội đồng quản trị phê duyệt) nhưng sau đó phải báo cáo Hội đồng quản trị;</u></p> <p>j) <u>Được uỷ quyền cho cấp dưới và người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về việc uỷ</u></p>
---	--

	<p>quyền đó.</p> <p>k) <u>Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch hoa, hoả hoạn, sự cố) và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</u></p> <p>l) <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty.</u></p>	
<p>g. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p>	<p>5. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;</p> <p><b>BỘ</b></p>	<p>6. <u>Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc là người điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty. Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các</u></p>
		<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 162 Luật DN 2020.</p>

<p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	<p>cơ quan này khi được yêu cầu. Trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p> <p>7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc Công ty: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc Công ty theo quy định.</p> <p>b) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty.</p> <p>c) Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.</p> <p>d) Có đơn xin từ chức.</p> <p>e) Không thực hiện đúng hoặc điều hành trái với các quy định về quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Điều Lệ và quy định của pháp luật.</p> <p>f. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế Công ty.</p> <p>g. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.</p>	<p><b>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>.....</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc</p>
<p>31</p> <p><b>Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>.....</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p><b>Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>.....</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 47 – Phụ lục I của TT116/2020</p>





32	<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	<p><u>Hội đồng quản trị chấp thuận. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p><b>BỒ</b></p> <p>6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	
32	<b>Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b>	<b>Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b>	

<p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cảm vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p><b>BỘ</b></p>	<p>LƯỢC BỎ vì nội dung này trùng lặp nội dung khoản 2 điều này</p>
<p>33</p> <p><b>Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p><b>Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b></p> <p><b>BỘ</b></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản</p>	<p>LƯỢC BỎ theo hướng dẫn tại Điều 49 – Phụ lục I của TT 116/2020</p>
	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 49 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>tri, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	<p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 49 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p><b>Điều 50. Phân phối lợi nhuận</b></p> <p><b>Điều 55. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán phải được công bố chậm nhất mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính năm không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đồng thời đăng tải toàn văn báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm trên website công ty để nhà đầu tư tham khảo.</p> <p>Báo cáo tài chính năm được kiểm toán phải nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan quản lý Nhà nước khác</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 55 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
<p><b>Điều 55. Phân phối lợi nhuận</b></p> <p><b>Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tình hình tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định</p>	<p><b>Điều 55. Phân phối lợi nhuận</b></p> <p><b>Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tình hình tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 55 – Phụ lục I của TT116/2020</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 55 – Phụ lục I của TT116/2020</p>

	<p>theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố thông tin báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p><b>BỔ</b></p> <p><b>BỔ</b></p> <p><b>BỔ</b></p> <p><b>BỔ</b></p>	
<p>36</p> <p><b>Điều 57. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b> <b>KHÔNG CÓ</b></p>	<p><b>Điều 62. Trách nhiệm về công bố thông tin</b></p> <p>1. Công ty có trách nhiệm và nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 109 và Điều 110 Luật DN 2020</p>	

	<p>1. .... 2. ....</p>	<p>1. .... 2. ....</p>	<p>2. .... 3. ....</p>
37	<p><b>Điều 58. Kiểm toán</b> 1. .... 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình các báo cáo đó cho Hội đồng quản trị. Thời hạn lập báo cáo phải phù hợp với quy định pháp luật về công bố thông tin báo cáo tài chính sáu tháng, báo cáo tài chính năm nhưng không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý II năm tài chính đối với báo cáo sáu tháng và không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính đối với báo cáo tài chính năm.</p>	<p><b>Điều 63. Kiểm toán</b> 1. .... <b>BỘ</b></p>	<p>LƯUỠC BỔ theo Điều 57 – Phụ lục I của TT116/2020</p>
38	<p><b>Điều 59. Con dấu</b> 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 64. Con dấu của Công ty</b> 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 43 Luật DN 2020 và Điều 58 – Phụ lục I của TT116/2020 (điểm mới: Luật DN 2020 đã bãi bỏ nội dung - trước khi sử dụng con dấu phải thông báo mẫu dấu trên Công thông tin đăng ký quốc gia về đăng ký DN)</p>
38	<p><b>Điều 59. Con dấu</b> 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 59. Con dấu</b> 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Công ty có chính thức 01 con dấu. 3. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). 4. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 43 Luật DN và khoản 1 Điều 58 – phụ lục I của TT16  Bổ sung theo khoản 2 Điều 43 Luật DN và khoản 2 Điều 58 – phụ lục I của TT16  Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 43 Luật DN và khoản 2 Điều 58 – phụ lục I của TT16</p>

39	<p><b>Điều 60. Chấm dứt hoạt động</b></p>	<p><b>Điều 65. Giải thể Công ty</b></p>	<p>Sửa đổi tiêu đề của Điều này vì:          - Đây là nội dung về giải thể theo quy định tại Điều 207 Luật DN 2020 và Điều 59 - Phụ lục I của TT116/2020          - Nếu là nội dung về chấm dứt hoạt động thì phải là nội dung theo quy định tại Điều 206 Luật DN 2020</p>
40	<p><b>Điều 61. Gia hạn hoạt động</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</li> <li>Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</li> </ol>	<p><b>BỘ</b></p>	<p>LƯỢC BỐ vì có nội dung gia hạn hoạt động khi thời hạn hoạt động là hữu hạn</p>
41	<p><b>Điều 64. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.</b></p> <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.</li> </ol>	<p><b>BỘ</b></p>	<p>LƯỢC BỐ vì đã nằm trong nội dung các trường hợp giải thể</p>

	<p>2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông</p>		
42	<p><b>Điều 65. Điều lệ công ty</b></p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong pháp luật mới của pháp luật khác với những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<p><b>Điều 65. Điều lệ công ty</b></p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. <u>Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 63 – Phụ lục I của TT16
43	<p><b>Điều 66. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 22 chương 67 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc nhất trí thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2020 tại Vĩnh Phúc và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 69. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 23 mục 69 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ..... tại Vĩnh Phúc</p> <p>2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho bản Điều lệ công ty đã ban hành ngày 15 tháng 01 năm 2021.</p> <p>3. Điều lệ này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ THẢO**



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**  
*(Ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022)*

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2022



## MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	4
Điều 2. Chữ viết tắt và Giải thích thuật ngữ .....	4
CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG .....	6
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông: .....	6
Điều 4. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn .....	7
CHƯƠNG III: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	7
Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	7
Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông .....	7
Điều 7. Lập danh sách cổ đông và Thông báo danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội cổ đông.....	8
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 10. Cách thức đăng ký và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ .....	10
Điều 11. Khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	11
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu.....	11
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu .....	13
Điều 14. Điều kiện đề Nghị quyết được thông qua .....	13
Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu .....	14
Điều 16. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ .....	14
Điều 17. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.....	14
Điều 18. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ .....	15
Điều 19: Công bố Nghị quyết và Biên Bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản ra công chúng.....	17
Điều 20. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ .....	18
Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến .....	18
Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến .....	19
CHƯƠNG IV: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	19
MỤC I: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT.....	19
Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT .....	19
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	20
Điều 25. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT ..	20
Điều 26. Cách thức bầu thành viên HĐQT .....	21
Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	22
Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	23
Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT .....	23
MỤC II: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 30. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	23
Điều 31. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị .....	24
Điều 32. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT .....	25
Điều 33. Biên bản họp HĐQT.....	25
Điều 34. Thông báo nghị quyết HĐQT .....	26
MỤC III: ỦY BAN KIỂM TOÁN .....	26
Điều 35. Quyền và Nghĩa vụ của Ủy Ban kiểm toán .....	26

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy Ban kiểm toán.....	26
Điều 37. Thành phần Ủy Ban kiểm toán .....	26
Điều 38. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán .....	27
Điều 39. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên .....	27
<b>MỤC IV: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT .....</b>	<b>28</b>
Điều 40. Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	28
Điều 41. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban .....	28
<b>CHƯƠNG V: QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY .....</b>	<b>28</b>
Điều 42. Các tiêu chuẩn của người quản lý Công ty .....	28
Điều 43. Việc bổ nhiệm người quản lý Công ty .....	29
Điều 44. Ký hợp đồng lao động với người quản lý Công ty .....	30
Điều 45. Chế độ lương, thưởng và lợi ích khác cho bộ máy quản lý.....	30
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý Công ty .....	30
Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý Công ty .....	31
<b>CHƯƠNG VI: THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ..31</b>	<b>31</b>
Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Tổng giám đốc .....	31
Điều 49. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động .....	31
Điều 50. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng giám đốc .....	32
Điều 51. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT .....	32
Điều 52. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao .....	33
Điều 53. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT.....	33
Điều 54. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng giám đốc.....	33
<b>CHƯƠNG VII: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY .....</b>	<b>34</b>
Điều 55. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các người quản lý Công ty .....	34
<b>CHƯƠNG VIII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>36</b>
Điều 56. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty .....	36
Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty .....	36
Điều 58. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty .....	36
Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	37
<b>CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>37</b>
Điều 60. Nguyên tắc thực hiện .....	37
Điều 61. Nghĩa vụ công bố thông tin .....	38
Điều 62. Thông tin bí mật, thông tin nội bộ, và giao dịch nội bộ .....	38
Điều 63. Các nội dung công bố thông tin .....	39
Điều 64. Tổ chức và quản lý công bố thông tin.....	39
Điều 65. Bảo lưu và tạm hoãn công bố thông tin.....	40
<b>CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>40</b>
Điều 66. Bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.....	40
Điều 67. Hiệu lực .....	40

Vĩnh Phúc, ngày.....tháng.....năm 2022

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

**CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), Ủy Ban kiểm toán, Ban Tổng giám đốc và người điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng mong đợi của Cổ đông.

2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc và những người có liên quan.

**Điều 2. Chữ viết tắt và Giải thích thuật ngữ**

1. Chữ viết tắt:

a. “Công ty” là Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khai Quang, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

b. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;

c. “HDQT”: Hội đồng quản trị;

d. “UBKT”: Ủy Ban kiểm toán.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến Công ty, Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, nâng cao trách nhiệm của HĐQT đối với cổ đông;
- Tôn trọng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty;
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty, bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán 2019;

c. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;

d. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ Tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều Lệ;

e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;

f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

g. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

h. Người phụ trách quản trị công ty là người có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

## **CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông:**

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và quy định tại Điều lệ công ty, đặc biệt là:

a. Quyền được đối xử công bằng: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua;

b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

c. Nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

d. Nghĩa vụ cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

1. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán.

3. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.



#### **Điều 4. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn**

1. Hội đồng quản trị của Công ty xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.
3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG III: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp.

2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

4. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia ĐHĐCĐ hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

6. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

7. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính.
- Thù lao và chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 điều 163 luật doanh nghiệp và điều lệ công ty;

- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- Báo cáo giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan đến thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT.

- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

8. Tham dự ĐHĐCĐ của kiểm toán viên độc lập: Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán độc lập có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

#### **Điều 7. Lập danh sách cổ đông và Thông báo danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông).

2. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Sở GDCKHN) và Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN).

#### **Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội cổ đông**

1. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ: Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; chương trình, nội dung đại hội; tài liệu cho đại hội; thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ; Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp trong đúng thời gian quy định; và các vấn đề khác phục vụ Đại hội phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình ĐHĐCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty;

2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:

a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ và những yêu cầu khác đối với người dự họp;

b. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi đi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)

c. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở GDCKHN và UBCKNN về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ;

d. Các tài liệu bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;

- Phiếu biểu quyết;

- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những kiến nghị trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo họp ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu Công ty có tổ chức hình thức này);



c. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện): Cổ đông sẽ thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp. Cổ đông có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc Đại hội;

d. Gửi phiếu đăng ký tham dự họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử (nếu có) nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình Thông báo mời họp (giấy ủy quyền bản gốc), giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan cần thiết với Ban tổ chức đại hội để đăng ký tại ngày tổ chức đại hội;

e. Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

3. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Tùy vào điều kiện cụ thể tại thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ mà Công ty áp dụng các hình thức đăng ký, tham dự và biểu quyết phù hợp. Mọi cách thức áp dụng đều phải được hướng dẫn cụ thể tại Thông báo mời họp để cổ đông lựa chọn và thuận tiện trong việc áp dụng.

#### **Điều 10. Cách thức đăng ký và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Bộ phận/cá nhân được HĐQT chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ. Việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp ĐHĐCĐ bắt đầu một cách hợp lệ.

2. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết.

3. Cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo Giấy tờ được quy định tại Thông báo họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Đại biểu. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Trừ khi có các quy định khác, khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc Đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) Phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký/mã cổ đông, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên Đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó và các nội dung cần xin ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài ra khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cũng cấp cho từng cổ đông hoặc Đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một (01) Thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký/mã cổ đông, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên Đại diện được uỷ quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó để cổ đông thực hiện biểu quyết các nội dung được Đại hội quyết định biểu quyết công khai, trực tiếp theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

5. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ có nội dung bầu cử (HĐQT) thì khi đăng ký cổ đông Công ty sẽ phát thêm Phiếu bầu cử HĐQT với các thông tin về cổ đông giống Phiếu biểu quyết/Thẻ biểu quyết, đồng thời có thêm họ tên của các Ứng cử viên. Trong trường hợp này số tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông sẽ tương ứng với số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện sở hữu) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.

6. Đại biểu đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi đại biểu đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

### **Điều 11. Khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu: Việc kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Cụ thể, bộ phận/cá nhân được HĐQT chỉ định có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng đại biểu dự cuộc họp thỏa mãn tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Tỷ lệ này phải được Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết.

2. Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ: Khi đạt đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu được quy định, Chủ tịch HĐQT tuyên bố khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp bầu Chủ tọa (khi vắng mặt Chủ tịch HĐQT), tên các ứng viên được đề cử và số phiếu bầu sẽ được công bố và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa ĐHĐCĐ đề cử một hoặc một số người làm thư ký để ghi biên bản họp ĐHĐCĐ.

### **Điều 12. Cách thức bỏ phiếu**

1. Bầu Ban kiểm phiếu:

a. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa đại hội. Ban Tổ chức sẽ chuẩn bị bộ phận giúp việc, Ban kiểm phiếu có thể quyết định bộ phận giúp việc cho mình. Điều kiện của các thành viên Ban kiểm phiếu bao gồm:

- Một trong số các thành viên Ban kiểm phiếu là người có hiểu biết về các quy định của pháp luật; Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử;

- Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên HĐQT hoặc ứng cử viên thành viên HĐQT (nếu đại hội đó có bầu cử);

- Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Ban Tổng Giám đốc và ứng cử viên thành viên Ban Tổng Giám đốc;

- Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên.

b. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo;

c. Nhằm đảm bảo thủ tục kiểm phiếu được công khai và rõ ràng, Ban kiểm phiếu phải được giám sát trong quá trình kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ đề cử người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu. Người này nên là một cổ đông thiểu số và độc lập với công ty. Người này có quyền can thiệp và báo cáo ngay khi phát hiện có dấu hiệu bất thường hoặc không minh bạch trong quá trình kiểm phiếu;

d. Người được chỉ định giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền: Ngăn chặn mọi hành vi vi phạm quy chế bầu cử; Báo cáo cho Chủ tọa ĐHĐCĐ về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu, nếu có;

e. Trưởng Ban kiểm phiếu có quyền quyết định về số lượng cụ thể hoặc bổ sung, thay thế nhân sự của Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong công tác tổ chức biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông thực hiện biểu quyết trên Phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Thông thường mỗi nội dung xin ý kiến biểu quyết có 3 mục lấy ý kiến: “Tán thành/đồng ý” - “Phản đối/không đồng ý” - “Ý kiến khác” để cổ đông đánh dấu vào ô mong muốn. Cổ đông sau đó bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.

4. Việc quyết định hình thức bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Đối với việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Các phiếu bầu cử bằng hình thức bầu dồn phiếu hay bằng hình thức khác cũng sẽ được Cổ đông sau đó bỏ vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.

5. Ngoài phương thức bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông, Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: Cổ đông có thể tiến hành đăng ký cổ đông trên hệ thống trực tuyến, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tài khoản kèm mật khẩu để truy cập hệ thống này. Khi cổ đông tiến hành biểu quyết trực tuyến, số thẻ tán thành và số thẻ không tán thành nghị quyết được ghi nhận trên hệ thống trực tuyến này.

b. Cổ đông biểu quyết trực tuyến xem như không có ý kiến với các nội dung phát sinh ngoài chương trình đại hội đã được gửi trước ngày đại hội cho cổ đông.

### **Điều 13. Cách thức kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra lại số lượng Phiếu biểu quyết thu về so với số Phiếu biểu quyết phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu biểu quyết thu về.

2. Các tình trạng “Tán thành/đồng ý”, “Phản đối/không đồng ý”, “Ý kiến khác” sẽ được tổng hợp riêng (trong đó các Phiếu biểu quyết trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào nhóm “Ý kiến khác”). Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.

3. Đối với việc kiểm phiếu bầu cử: Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử.

4. Đối với những vấn đề biểu quyết trực tiếp, công khai tại cuộc họp ĐHĐCĐ: Thực hiện kiểm Thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết trước, sau đó thực hiện kiểm Thẻ biểu quyết không tán thành và Thẻ biểu quyết không có ý kiến.

5. Trong trường hợp có Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: Kết quả kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và kiểm thẻ biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu duyệt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

6. Kết quả kiểm phiếu được tính bằng tổng kết quả biểu quyết, bầu cử trực tiếp tại ĐHĐCĐ và kết quả biểu quyết, bầu cử được Ban kiểm phiếu duyệt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

### **Điều 14. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Sửa đổi bổ sung điều lệ;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g. Vấn đề khác theo quy định của luật doanh nghiệp.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty có thể thực hiện việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 hoặc theo một hình thức bầu cử khác quy định tại Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông tại kỳ diễn ra bầu cử thông qua.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

#### **Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

1. Trường ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

2. Biên bản kiểm phiếu cùng với các tài liệu cuộc họp ĐHĐCĐ khác sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

#### **Điều 16. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### **Điều 17. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;



- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng quy định trong vòng (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 18. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ:

- a. Chuẩn bị Tài liệu:
  - HĐQT phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;
  - Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
    - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
    - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định;
- c. Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện tương tự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông
  - Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập;
  - HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;
- e. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông:
  - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền;
  - Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
    - Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
    - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
  - Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

f. Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu

- HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Người phụ trách quản trị công ty hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp;
- Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - Các vấn đề đã được thông qua;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

g. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

h. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp sau:

- a. Bầu bổ sung hoặc bầu tạm thời nhân sự vào vị trí thành viên HĐQT, khi số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b. Xin ý kiến cổ đông thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

**Điều 19: Công bố Nghị quyết và Biên Bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản ra công chúng**

1. Biên bản họp, Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ, biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở GDCKHN, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.



3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

#### **Điều 20. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến**

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 14 Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ

thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Ban kiểm phiếu sẽ ghi nhận kết quả kiểm phiếu từ hệ thống này.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự Điều 17 Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Việc công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện tương tự Điều 19 của Quy chế này.

**Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến**

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 21 và các Điều khác của Chương II Quy chế này, trừ quy định tại Điều 18 về Thẩm quyền và Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ.

**CHƯƠNG IV: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**MỤC I: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT**

**Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ,



con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

#### **Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định cụ thể tại Điều lệ công ty. Ngoài ra thành viên HĐQT phải có trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý được quy định như sau:

a. Các thành viên HĐQT phải hành động một cách trung thực với thiện chí, phải chủ động và tránh để bị rơi vào tình thế thụ động; không khiến công ty phải vi phạm pháp luật;

b. Thành viên HĐQT phải trung thành với công ty, lợi ích của công ty và các cổ đông, theo các nguyên tắc sau:

- Không tham gia vào HĐQT của đối thủ cạnh tranh;
- Không thực hiện bất kỳ một giao dịch nào với công ty mà không công bố giao dịch đó và không xin phép HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;
- Không sử dụng tài sản, tiện ích của công ty để phục vụ nhu cầu riêng; Không sử dụng thông tin, không được tiết lộ bí mật của công ty hoặc các cơ hội kinh doanh của công ty vì lợi ích cá nhân để thu lợi riêng;

2. Để đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời để thực hiện việc giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT sẽ được cụ thể hóa quyền hạn và phân cấp phê duyệt chi tiết theo từng lĩnh vực hoạt động của Công ty thông qua các quy chế quản lý, giám sát hoạt động nội bộ của Công ty, bao gồm các lĩnh vực chính như: quản lý tài chính, tổ chức và quản lý lao động và một số quy chế khác;

3. Các quy chế nội bộ chuyên ngành của Công ty quy định các thủ tục chi tiết về thẩm quyền và trách nhiệm đối với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác trong việc xin phép thực hiện những giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính của Công ty; Quy định cơ cấu bộ máy quản lý, quyền và nghĩa vụ của bộ máy quản lý, cũng như trách nhiệm phải gánh chịu trong trường hợp hành động vượt quá thẩm quyền.

#### **Điều 25. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền ứng cử, đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị.

2. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT. Việc họp nhóm này phải thông báo cho Hội đồng quản trị và các cổ đông dự họp ĐHĐCĐ biết chậm nhất ngay khi khai mạc ĐHĐCĐ.

3. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

4. Hồ sơ cần thiết cho việc ứng cử, đề cử ứng viên:

- Họ tên, ngày, tháng, năm, sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- Quan hệ của ứng viên với Người có liên quan;
- Quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Công ty;
- Những thông tin liên quan tới tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới nhiệm vụ và tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên HĐQT;
- Đối với nhóm cổ đông: Danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử; bằng chứng về việc nắm giữ cổ phiếu đủ tỷ lệ và văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử thành viên HĐQT.

#### **Điều 26. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

1. Phiếu bầu cử do Ban tổ chức ĐHCĐ chuẩn bị, có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo của Công ty.

Cổ đông nhận phiếu bầu cử, ghi số phiếu bầu cho ứng viên mình lựa chọn. Phiếu bầu hợp lệ là không bị tẩy xóa, gạch sửa, không viết thêm nội dung vào phiếu bầu hoặc bầu nhiều hơn số lượng thành viên HĐQT được phép bầu.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc theo một hình thức khác được quy định Quy chế bầu cử và được ĐHCĐ tại kỳ diễn ra bầu cử thông qua.

3. Với bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Trong trường hợp phân phối đều, Cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức: Cổ đông thực hiện việc lựa chọn ứng viên bằng cách để nguyên tên ứng viên được chọn và gạch ngang đối với tên các ứng viên không lựa chọn. Số lượng ứng viên lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên HĐQT được phép bầu.

4. Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT được phê chuẩn, Đại hội xác định người trúng cử được xác định số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số

004  
TY  
IN  
A TAI  
IUC  
VINH

phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định pháp luật và Điều lệ.

Trong đó, các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên HĐQT độc lập, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại). Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.

5. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

6. Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

##### **1. Miễn nhiệm:**

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp năm 2020.

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

##### **2. Bãi nhiệm:**

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

b. Trường hợp khác quy định tại Điều Lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài những trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp năm 2020.

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.



## **Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

1. HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Quy chế này. Toàn bộ hồ sơ, thông tin cần thiết được chuyển đến Công ty cho bộ phận Thư ký Hội đồng quản trị tập hợp và trình HĐQT quyết định. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHCĐ gần nhất.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử.

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;
- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

## **MỤC II: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 30. Thông báo họp Hội đồng quản trị**

#### **1. Thông báo họp HĐQT:**

a. Trong trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT;

b. Thông báo họp HĐQT các phiên họp thường kỳ và bất thường khác sẽ được gửi cho các thành viên HĐQT bằng thư điện tử hoặc đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký trước tại Công ty bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến;

c. Thông báo họp HĐQT phải đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết cho thành viên HĐQT không thể dự họp;

d. Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT;

e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp hoặc 1 phần nội dung chương trình họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó;

f. Thành viên HĐQT có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập;

g. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Tổng Giám đốc như đối với các thành viên HĐQT. Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

## 2. Các hình thức họp:

a. Trong các cuộc họp trực tiếp, các thành viên HĐQT sẽ biểu quyết đồng ý bằng miệng hoặc giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận. Các tình trạng biểu quyết có thể là “đồng ý”, “phản đối”, “không có ý kiến”;

b. Cuộc họp của HĐQT cũng có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

c. Cuộc họp HĐQT có thể được thực hiện qua điện thoại. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

## **Điều 31. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.



### **Điều 32. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT**

1. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành lớn hơn 50% (>50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Trừ quy định tại Khoản 3 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.

3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các Hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

4. Trường hợp thành viên HĐQT không thể dự họp, có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

5. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

### **Điều 33. Biên bản họp HĐQT**

1. Thư ký HĐQT sẽ thực hiện ghi biên bản diễn biến cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chi tiết, rõ ràng. Nội dung cuộc họp có thể được ghi âm để đảm bảo tính chính xác nội dung, diễn biến, kết quả cuộc họp và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản ghi nhận diễn biến cuộc họp sẽ được hoàn thành ngay sau mỗi cuộc họp và có chữ ký xác nhận tham dự của tất cả thành viên tham dự. Biên bản cuộc họp chính thức sẽ được hoàn thành trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.



### **Điều 34. Thông báo nghị quyết HĐQT**

1. Căn cứ vào các nội dung, quyết định được thông qua của cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản nghị quyết của HĐQT. Các Nghị quyết này sẽ được thông tin đến tất cả các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận/phòng ban hoặc cá nhân liên quan khác.

2. Các nội dung Nghị quyết HĐQT thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được Người phụ trách công bố thông tin của Công ty công bố thông tin theo quy định pháp luật bao gồm: Công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của hiện hành.

### **MỤC III: ỦY BAN KIỂM TOÁN**

#### **Điều 35. Quyền và Nghĩa vụ của Ủy Ban kiểm toán**

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.

2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.

3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.

5. Kiến nghị Công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với Công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.

6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.

7. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.

#### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy Ban kiểm toán**

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

#### **Điều 37. Thành phần Ủy Ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

220  
G TY  
HÀN  
HÀ T  
PHÚ  
T.VIN

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

### **Điều 38. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán có quy định tỉ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số các thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

### **Điều 39. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.



## **MỤC IV: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT**

### **Điều 40. Các tiểu ban thuộc HĐQT**

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 41. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban**

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG V: QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY**

### **Điều 42. Các tiêu chuẩn của người quản lý Công ty**

1. Tiêu chuẩn chung của người quản lý công ty sẽ được quy định dưới đây. Các tiêu chuẩn riêng cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ Tổng Giám đốc) sẽ do Tổng Giám đốc đề xuất và HĐQT phê chuẩn:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
- c. Có chuyên môn, bằng cấp và các kỹ năng tổ chức phù hợp, khả năng gắn kết lợi ích của tất cả các bên liên quan và đưa ra các quyết định hợp lý;
- d. Có năng lực quản trị, tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện chung với chức danh Tổng Giám đốc Công ty: Ngoài những quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty với chức danh Tổng giám đốc Công ty, Tổng Giám đốc Công ty còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây và tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định.

- a. Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- b. Không phải là nhân viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc hay hội đồng quản trị của đối thủ cạnh tranh;
- c. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của bất kỳ một tổ chức/ doanh nghiệp nào hoặc các chức danh quản lý ở các công ty khác;

- d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;
  - e. Các quy định khác theo quy định của Pháp luật.
3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng: Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:
- a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại Luật Kế toán;
  - b. Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;
  - c. Có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng đúng theo quy định của pháp luật về kế toán;
  - d. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là 05 (năm) năm.

#### **Điều 43. Việc bổ nhiệm người quản lý Công ty**

1. Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ để Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. Việc bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp (trừ Tổng Giám đốc) gồm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban nghiệp vụ và người quản lý khác do HĐQT phê chuẩn theo đề xuất của Tổng Giám đốc, trình HĐQT bổ nhiệm theo quy định như sau:
  - a. Tổng giám đốc đề cử bằng văn bản việc bổ nhiệm thành viên Bộ máy quản lý dựa trên các tiêu chí, điều kiện và tiêu chuẩn phù hợp với các quy định của Điều lệ công ty và quy chế này;
  - b. HĐQT đưa ra ý kiến đối với các đề cử thành viên Bộ máy quản lý. Đánh giá các ứng viên tiềm năng có sự tham gia của Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác trong Công ty;
  - c. HĐQT ra nghị quyết/quyết định bổ nhiệm và Tổng giám đốc ký Hợp đồng lao động với những thành viên trong Bộ máy quản lý Công ty;
  - d. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Điều hành không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.
4. Các thông tin của ứng viên cho Bộ máy quản lý sẽ bao gồm các nội dung sau đây:
  - a. Sơ yếu lý lịch có ảnh ứng viên được chụp trong thời gian gần nhất với thời điểm được đề cử;
  - b. Các văn bằng, chứng chỉ học vấn của ứng viên;

c. Những vị trí công tác mà ứng viên đã đảm nhiệm trong 05(năm) năm gần đây và vị trí đang đảm nhiệm khi được đề cử;

d. Môi quan hệ giữa ứng viên với Công ty;

e. Môi quan hệ của ứng viên với các cá nhân có ảnh hưởng lớn đến Công ty và môi quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chủ chốt của Công ty (nếu có);

f. Các thông tin khác có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện bổn phận của ứng viên khi trở thành thành viên của Bộ máy quản lý.

5. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

#### **Điều 44. Ký hợp đồng lao động với người quản lý Công ty**

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc của HĐQT, Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc. Nội dung của Hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật hợp đồng lao động và các thoả thuận không trái với quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

#### **Điều 45. Chế độ lương, thưởng và lợi ích khác cho bộ máy quản lý**

1. HĐQT quyết định mức lương, thưởng của Tổng giám đốc Công ty, phê duyệt mức lương, thưởng của Phó Tổng Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc. HĐQT có trách nhiệm ban hành chính sách về lương, thưởng và các lợi ích khác thông qua quy chế quản lý nội bộ chuyên ngành.

2. Chính sách lương thưởng và lợi ích khác:

a. Tổng giám đốc Công ty sẽ xây dựng Quy định về chính sách lương, thưởng và lợi ích khác để HĐQT phê duyệt. Thù lao (lương, thưởng và lợi ích khác) của các thành viên Bộ máy điều hành và cán bộ quản lý cấp phòng, ban có thể bao gồm một phần cố định và một phần biến động tùy theo kết quả hoạt động của Công ty;

b. Việc xây dựng chính sách lương, thưởng được dựa trên:

- Phạm vi trách nhiệm;
- Phẩm chất, năng lực yêu cầu, kinh nghiệm;
- Mức lương trung bình trong Công ty và trong ngành nói chung;
- Năng lực và chỉ số tài chính của Công ty;
- Yếu tố thị trường về nhân sự và các yếu tố khác.

#### **Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý Công ty**

1. Trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc được quy định tại Điều Lệ Công ty.

2. Đối với chức vụ Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp và có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

3. Tổng giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
  - b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
  - c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
4. Tổng giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
  - b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt Hợp đồng lao động;
  - c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
5. Đối với chức vụ người quản lý công ty khác: việc miễn nhiệm, bãi nhiệm do HĐQT quyết định theo đề xuất của Tổng giám đốc.
6. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo Hợp đồng của những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý Công ty**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức người quản lý Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG VI: THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị sẽ mời Tổng giám đốc tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Tổng Giám đốc được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Tổng Giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

2. Tại các phiên họp của Ban Tổng Giám đốc có nội dung quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

**Điều 49. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động**

1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

3. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng

220  
G T  
H A  
N H A  
P H U  
T.V.V

quy định của Điều Lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng đã được ĐHĐCĐ thông qua.

**Điều 50. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng giám đốc**

Bản sao các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Tổng Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm chúng được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 51. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác, nội dung văn bản đó phải nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận, Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

2. Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều Lệ Công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các Công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 05% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;



j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

**Điều 52. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

1. Theo định kỳ hàng tháng, Tổng Giám đốc phải tổ chức họp Ban Tổng Giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn và đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các đối tượng này khi được yêu cầu.

3. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng Giám đốc cũng như các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng Giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

**Điều 53. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT**

1. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

2. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

3. Tổng giám đốc chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

5. Các nội dung khác Tổng giám đốc cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 5 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 5 ngày.

6. Trong trường hợp cấp thiết HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty.

**Điều 54. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng giám đốc**

1. Các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.



2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc để được giải quyết hiệu quả.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền truy vấn thông tin, số liệu, hồ sơ của công ty trực tiếp qua các cán bộ công nhân viên phụ trách chuyên môn của các phòng ban trong Công ty. Trao đổi trực tiếp, gián tiếp giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc để làm sáng rõ vấn đề quan tâm, phục vụ lợi ích chung.

## **CHƯƠNG VII: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY**

**Điều 55. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các người quản lý Công ty**

1. Phương thức đánh giá hoạt động:

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các người quản lý khác của Công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- a. Tự nhận xét, đánh giá;
- b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- c. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

Hội đồng Quản trị đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các người quản lý khác căn cứ vào kế hoạch đề ra của từng năm, mức độ hoàn thành kế hoạch của từng thành viên.

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các người quản lý khác do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

3. Khen thưởng, kỷ luật:

a. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

b. Tổng Giám đốc điều hành có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

c. Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

4. Đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo định kỳ hàng năm, dựa theo các chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Hội đồng quản trị có quyền sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Hội đồng quản trị.

c. Kỷ luật: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

#### 5. Đối với Tổng Giám đốc và các người quản lý khác:

a. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc và các người quản lý khác theo định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng Giám đốc và các người quản lý khác theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung (trong đó có Tổng Giám đốc và các người điều hành khác), xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Hội đồng quản trị.

c. Kỷ luật: Tổng Giám đốc và các người quản lý khác chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc điều hành có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

#### 6. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

7. Khi cần thiết HĐQT Công ty sẽ điều chỉnh, bổ sung quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người quản lý khác.

## CHƯƠNG VIII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Điều 56. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người Phụ trách quản trị Công ty:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự;

b. Có trình độ học vấn đại học trở lên;

c. Có năng lực quản trị và được đào tạo về quản trị;

d. Am hiểu hoạt động của Công ty, nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công ty và thị trường chứng khoán. Có kỹ năng tổ chức, phân tích, cụ thể là phát hiện những tín hiệu từ xa và cảnh báo sớm cho Bộ máy quản lý, Tổng giám đốc và các thành viên HĐQT.

### Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị công ty được quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông của công ty, người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm như sau:

a. Phối hợp tổ chức ĐHĐCĐ: Đảm bảo rằng danh sách các cổ đông được chuẩn bị đầy đủ; Thông báo cho các cổ đông về ĐHĐCĐ; Đảm bảo việc tuân thủ những thủ tục đăng ký tham dự ĐHĐCĐ; Phân phát tài liệu trước ĐHĐCĐ và trong ĐHĐCĐ; Truyền đạt báo cáo về các kết quả của ĐHĐCĐ tới các cổ đông; Đảm bảo rằng những biên bản về kết quả bỏ phiếu và những biên bản của ĐHĐCĐ được lưu giữ;

b. Làm liên lạc giữa các cổ đông trong những giao dịch kiểm soát;

c. Trợ giúp trong việc đảm bảo quyền lợi của cổ đông: Đảm bảo rằng công ty xem xét một cách thích hợp tất cả những đơn từ được các cổ đông đệ trình một cách hợp lệ; Chuyển tất cả những thắc mắc mà các cổ đông đã đệ trình một cách hợp lệ cho các chủ thể quản trị và các phòng ban liên quan của công ty.

### Điều 58. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty khi đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế.

2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;

b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

3. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
  - b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
  - c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
4. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng đã ký kết (nếu có).

**Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 60. Nguyên tắc thực hiện**

1. Công ty chỉ thừa nhận các thông tin được cung cấp bởi các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Người được uỷ quyền công bố thông tin dưới hình thức trả lời phỏng vấn, các thông tin, bài viết liên quan đến hoạt động của Công ty trên website của Công ty, trang thông tin của UBCKNN, Sở GDCKHN hoặc các phương tiện thông tin đại chúng được Công ty đồng ý cho phép cung cấp thông tin là các thông tin chính thức của Công ty theo nguyên tắc:

- a. HĐQT cung cấp các thông tin đối với các thông tin liên quan tới chiến lược phát triển, các kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, kế hoạch huy động vốn, công bố cổ tức, kế hoạch mua bán, sát nhập Công ty, các thay đổi cơ cấu tổ chức của công ty, của HĐQT/ Ban Tổng Giám đốc;
- b. Ban Tổng giám đốc cung cấp thông tin đối với các thông tin liên quan tới kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm hoặc đang thực hiện, các thay đổi tổ chức ở các phòng, ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Công ty;
- c. Người được uỷ quyền công bố thông tin được quyền và có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cung cấp thông tin phù hợp với các lợi ích của Công ty.

2. Tất cả các thông tin đã được công bố chính thức đều được phép phổ biến lại phù hợp với lợi ích của Công ty.

3. Tất cả các cá nhân, đơn vị trực thuộc Công ty liên quan trong việc cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng chỉ được cung cấp thông tin khi được uỷ quyền bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về mức độ chính xác của thông tin và tính hợp lý của việc cung cấp thông tin. Công ty không chịu trách nhiệm về tính chính xác và sự ảnh hưởng của những tin bài về Công ty không do những đối tượng quy định tại khoản 1 điều này cung cấp thông tin.



## **Điều 61. Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ, bất thường về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

## **Điều 62. Thông tin bí mật, thông tin nội bộ, và giao dịch nội bộ**

1. Công ty được phép bảo mật thông tin đối với thông tin bí mật thuộc phạm vi bí mật kinh doanh theo quy định của Luật Cạnh tranh để tránh những ảnh hưởng bất lợi đến quyền và lợi ích chính đáng của công ty và các cổ đông trong việc công bố thông tin.

2. Thông tin nội bộ là những thông tin liên quan đến công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của công ty. Thông tin nội bộ được lưu giữ cẩn mật bởi những người có thẩm quyền theo quy định về bảo mật thông tin của công ty.

3. Các đối tượng có thể tiếp cận thông tin nội bộ bao gồm:

a. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người Quản lý khác trong phạm vi các công việc có liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

b. Cổ đông lớn của công ty;

c. Người kiểm toán báo cáo tài chính, các công ty chứng khoán, các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và người hành nghề chứng khoán có liên quan đến cổ phiếu của công ty;

d. Tổ chức, cá nhân có quan hệ hợp tác kinh doanh, cung cấp dịch vụ với công ty và cá nhân làm việc trong tổ chức đó;

e. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có được thông tin nội bộ từ những đối tượng quy định tại các điểm đã nêu ở trên.

4. Những người được phép tiếp cận các thông tin nội bộ của công ty không được thực hiện các hành vi sau:

a. Mua bán chứng khoán liên quan tới thông tin nội bộ mà mình được tiếp cận;

b. Tiết lộ thông tin nội bộ cho những cá nhân khác trừ phi việc tiết lộ đó được thực hiện trong quá trình thực thi nhiệm vụ được công ty giao phó;

c. Tư vấn hoặc xui khiến người khác mua bán chứng khoán liên quan đến những thông tin nội bộ mà mình được tiếp cận;

d. Giao dịch nội bộ bất hợp pháp là những giao dịch diễn ra khi những người có khả năng tiếp cận các thông tin nội bộ sử dụng những thông tin đó để thu lợi hoặc để tránh tổn thất trên thị trường chứng khoán. Tổng giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Chính sách an ninh thông tin và cụ thể hóa các quy định, quy trình về tránh xung đột lợi ích của công ty để điều chỉnh các hành vi liên quan đến việc sử dụng thông tin nội bộ, giao dịch nội bộ.



### **Điều 63. Các nội dung công bố thông tin**

1. Các nội dung thông tin phải công bố được quy định tại Luật chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành luật Chứng khoán và quy chế công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Những thông tin công bố gồm: Thông tin định kỳ, những thông tin bất thường, những thông tin theo yêu cầu của Sở GDCKHN và UBCKNN.

3. Cổ đông nội bộ của Công ty và người có liên quan đến cổ đông nội bộ của Công ty tự chịu trách nhiệm về việc công bố thông tin của mình liên quan việc giao dịch cổ phiếu của Công ty và các giao dịch khác với Công ty theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **Điều 64. Tổ chức và quản lý công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin do Tổng Giám đốc công ty tổ chức thực hiện. Tổng Giám đốc có thể uỷ quyền cho người khác thực hiện công bố thông tin công ty nhưng phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện phải công bố thông tin mà người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin vắng mặt thì người giữ vị trí cao nhất trong Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

2. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm 01 (một) người phụ trách việc công bố các thông tin theo yêu cầu của Luật chứng khoán, UBCKNN, Sở GDCKHN và đăng ký thông tin (gồm Họ tên, số điện thoại, số CMND/số căn cước) của Người phụ trách công bố thông tin của Công ty với UBCKNN và Sở GDCKHN theo quy định. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin của công ty thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Các hình thức công bố thông tin: Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc công bố đều được thực hiện bằng văn bản và đính kèm file nội dung theo yêu cầu của các cơ quan chức năng, của UBCKNN và Sở GDCKHN.

4. Các phương tiện công bố thông tin:

a. Trang thông tin điện tử của SGDCK, UBCKNN và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật;

b. Trang thông tin điện tử của Công ty, các tài liệu sẽ được công bố theo nguyên tắc sau:  
- Mọi thông tin, dữ liệu của công ty sau khi có phê duyệt của Tổng giám đốc, sẽ gửi về Ban Quản trị website để BQT công bố lên website: <http://www.vpid.vn>. Ban quản trị website được thành lập theo quyết định của Tổng giám đốc.

- Đối với các dữ liệu đặc thù như các hình ảnh, quá trình hoạt động của công ty, đoàn thể như Đảng ủy, công đoàn, đoàn thanh niên... sẽ được Ban quản trị tiến hành biên tập, chỉnh sửa cho phù hợp và công bố sau khi nhận được từ cá nhân, đơn vị liên quan.

- Tất cả các bài viết tham khảo, trích dẫn, biên dịch, copy đều phải ghi rõ nguồn gốc, tài liệu tham khảo (cho dù tác giả của tài liệu gốc không yêu cầu).

5. Quản lý thông tin bí mật, thông tin nội bộ: Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc xây dựng, đề xuất các tiêu thức phân loại thông tin và hệ thống



quản lý thông tin nội bộ, thông tin bí mật phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật. Về nguyên tắc thông tin nội bộ cần được quản lý tập trung từ trên xuống dưới. Từng bộ phận tùy theo đặc thù công việc có đánh giá mức độ nhạy cảm của các thông tin phát sinh tại bộ phận đó để có cách xử lý, bảo mật và quản lý thích hợp.

6. Trách nhiệm bồi thường: Cá nhân vi phạm Quy chế công bố thông tin, bao gồm nhưng không giới hạn ở vi phạm công tác: công bố thông tin, sử dụng hoặc tiết lộ thông tin, chuẩn bị những thông tin được công bố không đầy đủ và thiếu chính xác..., phải chịu trách nhiệm bồi thường và bị xử lý trách nhiệm tùy theo mức độ vi phạm.

#### **Điều 65. Bảo lưu và tạm hoãn công bố thông tin**

1. Trong trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể công bố thông tin đúng thời hạn, Người được uỷ quyền công bố thông tin làm công văn trình Tổng Giám đốc ký duyệt và báo cáo UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội ngay khi xảy ra sự kiện. Đồng thời, lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin phải được công bố trên các phương tiện của UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội và website công ty.

2. Ngay sau khi sự cố bất khả kháng được khắc phục, người được uỷ quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo quy định.

### **CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 66. Bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

#### **Điều 67. Hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 10 Chương 67 Điều do Hội đồng quản trị Công ty soạn thảo và được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 08 tháng 01 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của người đại diện theo pháp luật mới có giá trị./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Trịnh Việt Dũng**



**THUYẾT MINH DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ QUẢN TRỊ CÔNG TY SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020,  
LUẬT CHỨNG KHOÁN 2019, NGHỊ ĐỊNH 155/2020/NĐ-CP, THÔNG TƯ 116/2020/TT-BTC.**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID) trình Đại Hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Trong đó các điều khoản dưới đây được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về mô hình quản trị Công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp năm 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành về pháp luật chứng khoán.

Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sẽ được sắp xếp lại số thứ tự các khoản, mục trên cơ sở những nội dung sửa đổi, bổ sung chính đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Các điều khoản không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi.

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
1.	<p><b>I. QUY ĐỊNH CHUNG</b></p> <p>Điều 1: Phạm vi điều chỉnh</p> <p>a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;</p> <p>c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;</p> <p>d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p> <p>e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p>	<p><b>CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ</b></p> <p>- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng Khoán</p> <p>- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng Khoán</p>	<p>- Sửa đổi căn cứ áp dụng phù hợp với các văn bản pháp luật đang có hiệu lực thi hành.</p>
2.	<p>2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.</p> <p>3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.</p>	<p><b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b></p> <p>Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Quy chế quản trị nội bộ quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ủy ban</p>	<p>Chỉnh sửa nội dung Theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 1, Quy chế mẫu, Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.</p>



Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>kiểm toán và các tiêu ban trực thuộc, Ban Tổng giám đốc và người điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng mong đợi của Cổ đông.</p> <p>2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc và những người có liên quan.</p>	
3.	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>1. Chữ viết tắt:</p> <p>a. “Công ty” là Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khai Quang, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500222004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/06/2003, thay đổi lần thứ 19 ngày 04/10/2017.</p> <p>d. “BKS”: Ban kiểm soát.</p> <p>2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;</li> <li>- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;</li> <li>- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;</li> <li>- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;</li> <li>- Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.</li> </ul> <p>b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;</p> <p>c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>d. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;</p> <p>e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc,</p>	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>1. Chữ viết tắt</p> <p>a. Công ty” là Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khai Quang, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.</p> <p>d. “UBKT”: Ủy Ban kiểm toán</p> <p>2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Quản trị Công ty” là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;</li> <li>- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, nâng cao trách nhiệm của HĐQT đối với cổ đông.</li> <li>- Tôn trọng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và những người có liên quan;</li> <li>- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;</li> <li>- Đảm bảo vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty.</li> <li>- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty, bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.</li> </ul>	<p>- Sửa dẫn chiếu cho phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>- Chỉnh sửa điểm a, khoản 2 Điều 2 Quy chế nội bộ quản trị hiện hành Theo Điều 40 Luật chứng khoán năm 2019, nguyên tắc quản trị Công ty đại chúng.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;</p> <p>f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>g. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;</p> <p>h. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;</p> <p>i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p>	<p>b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán 2019;</p> <p>c. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.</p> <p>d. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều Lệ.</p> <p>e. “Người điều hành doanh nghiệp” có nghĩa là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.</p> <p>g. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;</li> <li>- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</li> <li>- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chi ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</li> </ul> <p>- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần</p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>có quyền biểu quyết của công ty.</p> <p>- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</p> <p>h. Người phụ trách quản trị công ty là người có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>	
4.	<p style="text-align: center;"><b>II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG</b></p> <p><u>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông.</u></p> <p><u>Điều 4. Những vấn đề liên quan đến Cổ đông lớn.</u></p> <p><u>(Xem chi tiết trong Dự thảo)</u></p>	<p>Theo mẫu quy chế nội bộ về quản trị Công ty do Bộ tài chính ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC. Bổ sung các điều khoản sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung quyền và nghĩa vụ của cổ đông (Điều 115,119 Luật doanh nghiệp năm 2020)</li> <li>- Bổ sung trách nhiệm của cổ đông lớn.</li> </ul> <p>(Đây là các nội dung quy chế quản trị nội bộ hiện hành chưa quy định thành một Điều khoản)</p>
5.		<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG III. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p><u>Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội Đồng cổ đông</u></p> <p><u>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p><u>(Xem chi tiết trong Dự thảo)</u></p>	<p>Bổ sung thêm Điều khoản về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (Điều 138 Luật doanh nghiệp năm 2020);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ (Điều 140 Luật doanh nghiệp năm 2020). Trong đó, nếu chi tiết các Báo cáo tài chính phải trình ĐH và bổ sung điểm mới áp dụng hình thức ĐHĐCĐ trực</li> </ul>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
6.	<p><b>Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội Đồng cổ đông</b></p> <p>Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.</p> <p>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông).</p>	<p><b>Điều 7. Lập danh sách và thông báo danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại Hội đồng cổ đông.</p> <p>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông).</p> <p>2. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (SGDCKHN) và Ủy Ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN).</p>	<p>Sửa tên điều khoản cho phù hợp với mẫu quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p> <p>- Áp dụng theo khoản 1, 2, Điều 141 Luật doanh nghiệp năm 2020. Quy định chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết phải được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp.</p> <p>- Quy định chi tiết thông báo về việc lập danh sách cổ đông dự họp phải công bố thông tin theo quy định (Điểm b, khoản 4 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC).</p>
7.	<p><b>Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội cổ đông</b></p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ</p>	<p><b>Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>1. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ:</p> <p>Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; chương trình, nội dung đại hội; tài liệu cho đại hội; thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ; Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp trong đúng thời gian quy định; và các vấn đề khác phục vụ Đại hội phù hợp với luật pháp và các quy</p>	<p>- Tại Điều này đã tách Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ ra thành các điểm nhỏ:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công tác chuẩn bị</li> <li>2. Thông báo triệu tập</li> <li>3. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo điều khoản logic, đầy đủ về nghĩa.</li> </ol>

S/rt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>vào hòm thư).</p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, <u>Kiểm soát viên</u>;</li> <li>3. <u>Phiếu biểu quyết</u>;</li> <li>4. <u>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</u>;</li> <li>5. <u>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp</u>.</li> </ol>	<p>định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình ĐHĐCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:</p> <p>a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ và những yêu cầu khác đối với người dự họp;</p> <p>b. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức báo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở GDCKHN chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư);</p> <p>c. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở GDCKHN và UBCKNN về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ;</p> <p>d. <u>Các tài liệu bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT..;</li> <li>- Phiếu biểu quyết;</li> <li>- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</li> </ul> <p>3. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5%</u></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <p>- Về các điểm thay đổi:</p> <p>+ Theo Khoản 3 Điều 143 và Khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2020 bỏ quy định việc ủy quyền phải lập theo mẫu do Công ty phát hành, thay đó chỉ cần đáp ứng các quy định của Bộ Luật dân sự.</p> <p>+ Khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định ”Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều Lệ Công ty không quy định thời gian dài hơn...”</p> <p>+ Bổ sung thêm quy định, cụ thể tại khoản 2 và khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp năm 2020 đã bỏ quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp năm 2020. Khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</li> <li>- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</li> <li>- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</li> </ul>	<p>tại Khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông”</p>
8.	<p><b>Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</b>                      Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p><b>Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ</b>                      1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo họp ĐHĐCĐ.                      2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:                      a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;                      b. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực</p>	<p>Quy định lại cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp (Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2020; Khoản 3 Điều 273 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP):                      1. Cách thức đăng ký tham dự;                      2. Lựa chọn hình thức đăng ký tham dự;</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>tuyên, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu Công ty có tổ chức hình thức này);</p> <p>c. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện): Cổ đông sẽ thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp. Cổ đông có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc Đại hội;</p> <p>d. Gửi phiếu đăng ký tham dự họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử (nếu có) nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình Thông báo mời họp (giấy ủy quyền bản gốc), giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan cần thiết với Ban tổ chức đại hội để đăng ký tại ngày tổ chức đại hội;</p> <p>e. Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Công ty có gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Tùy vào điều kiện cụ thể tại thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ mà Công ty áp dụng các hình thức đăng ký, tham dự và biểu quyết phù hợp. Mọi cách thức áp dụng đều phải được hướng dẫn cụ thể tại Thông báo mời họp để cổ đông lựa chọn và thuận tiện trong việc áp dụng.</p>	<p>3. Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
9.		<p style="text-align: center;"><b>Điều 10. Cách thức đăng ký và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ</b> (Xem chi tiết trong Dự thảo)</p>	<p>- Quy chế nội bộ quản trị Công ty hiện hành chưa quy định cụ thể. - Bổ sung Điều khoản về cách thức đăng ký và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ (áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 2, Phụ Lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC; Khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp năm 2020).</p>
10.		<p style="text-align: center;"><b>Điều 11: Khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b> (Xem chi tiết trong Dự thảo)</p>	<p>- Bổ sung điều khoản về các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ, Quy chế nội bộ quản trị Công ty hiện hành không quy định; - Áp dụng khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và điểm h Điều 2 Phụ Lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
11.	<p><b>Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết</b> 1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của</p>	<p><b>Điều 12. Cách thức bỏ phiếu</b> 1. Bầu Ban kiểm phiếu: a. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa đại hội. Ban Tổ chức sẽ chuẩn bị bộ phận giúp việc, Ban kiểm phiếu có thể quyết định thành viên Ban kiểm phiếu bao gồm: - Một trong số các thành viên Ban kiểm phiếu là người có hiểu biết về các quy định của pháp luật; Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác bầu cử, bầu cử; - Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên HĐQT hoặc ứng cử viên thành viên</p>	<p>Quy định lại chi tiết cách thức bỏ phiếu: + Bầu ban kiểm phiếu. Điều kiện để được bầu vào ban kiểm phiếu. Trách nhiệm thành viên Ban kiểm phiếu; + Cách thức biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; + Hình thức bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ; + Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Biểu</p>



Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>HDQT(nếu đại hội đó có bầu cử);</p> <p>- Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Ban Tổng Giám đốc và ứng cử viên thành viên Ban Tổng Giám đốc;</p> <p>- Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên.</p> <p>b. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo;</p> <p>c. Nhằm đảm bảo thủ tục kiểm phiếu được công khai và rõ ràng, Ban kiểm phiếu phải được giám sát trong quá trình kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ đề cử người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu. Người này nên là một cổ đông thiểu số và độc lập với công ty. Người này có quyền can thiệp và báo cáo ngay khi phát hiện có dấu hiệu bất thường hoặc không minh bạch trong quá trình kiểm phiếu;</p> <p>d. Người được chỉ định giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền: Ngăn chặn mọi hành vi vi phạm quy chế bầu cử; Báo cáo cho Chủ tọa ĐHĐCĐ về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu, nếu có;</p> <p>e. Trường Ban kiểm phiếu có quyền quyết định về số lượng cụ thể hoặc bổ sung, thay thế nhân sự của Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong công tác tổ chức biểu quyết tại ĐHĐCĐ.</p> <p>2. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn</p>	<p>Lý do sửa đổi</p> <p>quyết, bầu cử thông qua ĐHĐCĐ trực tuyến (Theo điểm b, Khoản 2 Điều 41 Luật chứng khoán năm 2019; Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP).</p>



Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông thực hiện biểu quyết trên Phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Thông thường mỗi nội dung xin ý kiến biểu quyết có 3 mục lấy ý kiến: “Tán thành/đồng ý” - “Phản đối/không đồng ý” - “Ý kiến khác” để cổ đông đánh dấu vào ô mong muốn. Cổ đông sau đó bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.</p> <p>3. Việc quyết định hình thức bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Đối với việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Các phiếu bầu cử bằng hình thức bầu dồn phiếu hay bằng hình thức khác cũng sẽ được Cổ đông sau đó bỏ vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.</p> <p>4. Ngoài phương thức bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông, Công ty có gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:</p> <p>a. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: Cổ đông có thể tiến hành đăng ký cổ đông trên hệ thống trực tuyến, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tài khoản kèm mật khẩu để truy cập hệ thống này. Khi cổ đông tiến hành biểu quyết trực tuyến, số thẻ tán thành và số thẻ không tán thành nghị quyết được ghi nhận trên hệ thống trực tuyến</p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>này.                      b. Cổ đông biểu quyết trực tuyến xem như không có ý kiến với các nội dung phát sinh ngoài chương trình đại hội đã được gửi trước ngày đại hội cho cổ đông.</p>	
12.	<p><b>Điều 7: Cách thức kiểm phiếu</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;                      b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;                      c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo việc HĐQT bỏ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp</p>	<p><b>Điều 13. Cách thức kiểm phiếu</b></p> <p>1. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra lại số lượng Phiếu biểu quyết thu về so với số Phiếu biểu quyết phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu biểu quyết thu về.</p> <p>2. Các tình trạng “Tán thành/đồng ý”, “Phản đối/không đồng ý”, “Ý kiến khác” sẽ được tổng hợp riêng (trong đó các Phiếu biểu quyết trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào nhóm “Ý kiến khác”). Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.</p> <p>3. Đối với việc kiểm phiếu bầu cử: Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên số lượng thành viên đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử.</p> <p>4. Đối với những vấn đề biểu quyết trực tiếp, công khai tại cuộc họp ĐHĐCĐ: Thực hiện kiểm The biểu quyết tán thành nghị quyết trước, sau đó thực hiện kiểm The biểu quyết không tán thành và The</p>	<p>Theo Điều 7. Cách thức kiểm phiếu quy chế hiện hành đang quy định các điều kiện, tỷ lệ để Nghị Quyết HĐQT về các vấn đề được thông qua, không quy định cụ thể cách thức kiểm phiếu theo đúng tên gọi tại điều khoản.</p> <p>- Hướng sửa đổi, quy định lại chi tiết cách thức kiểm phiếu đối với từng vấn đề đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Kể cả trường hợp cổ đông dự họp thông qua Hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.</p>

Số	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
<p>pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>biểu quyết không có ý kiến.</p> <p>5. Trong trường hợp có Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: Kết quả kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và kiểm thẻ biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu duyệt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>6. Kết quả kiểm phiếu được tính bằng tổng kết quả biểu quyết, bầu cử trực tiếp tại ĐHĐCĐ và kết quả biểu quyết, bầu cử được Ban kiểm phiếu duyệt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p>	<p><b>Đề xuất chỉnh sửa</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p>
<p>13.</p>	<p><b>Điều 14. Điều kiện để Nghị Quyết được thông qua</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a. Sửa đổi bổ sung điều lệ;</p> <p>b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>c. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>g. Vấn đề khác theo quy định của luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng</p>	<p><b>Đề xuất chỉnh sửa</b></p>	<p>- Bổ sung thêm quy định, điều kiện để các Nghị quyết được thông qua.</p> <p>- Quy chế quản trị nội bộ hiện hành quy định điều kiện để Nghị quyết được thông qua vào nội dung cách thức kiểm phiếu, không đúng về logic.</p> <p>- Quy định lại cụ thể áp dụng Điều 148, Luật doanh nghiệp năm 2020, điểm m Điều 2 Phụ Lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>- Điểm thay đổi: Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
14.	<p><b>Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu</b> Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.</p>	<p>số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p><b>Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu</b> 1. Trường ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu. 2. Biên bản kiểm phiếu cùng với các tài liệu cuộc họp ĐHĐCĐ khác sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.</p>	<p>Quy định lại chi tiết Điều khoản Thông báo kết quả kiểm phiếu theo điểm n, khoản 2 Điều 2 Phụ Lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
15.	<p><b>Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</b></p>	<p><b>Điều 16. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</b> 2. ....với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ Công ty.....</p>	<p>Bổ sung thêm điểm 2 về nguyên tắc xác định giá khi mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông, áp dụng khoản 2 Điều 132 Luật doanh nghiệp năm 2020.</p>
16.	<p><b>Điều 12. ĐHĐCĐ thông qua Nghị Quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b> 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau</p>	<p><b>Điều 18. Thẩm quyền và Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ</b> 1.....trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp. 2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: a. Chuẩn bị tài liệu Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu..... Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu..... Tên, địa chỉ..... ● Mục đích..... ● Họ, tên.....</p>	<p>- Quy định lại Điều 12. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thay thế bằng điều khoản Thẩm quyền và Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quy định các bước tiến hành: + Chuẩn bị tài liệu; + Thông báo việc chốt danh sách; + Lập danh sách cổ đông; + Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến; + Nhận phiếu lấy ý kiến cổ đông; + Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu;</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>đấy:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Mục đích lấy ý kiến;  c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;  d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;  e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;  f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;  g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.  4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.  5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:  a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;  b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p>	<p><b>Đề xuất chỉnh sửa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.....</li> <li>● Phương án biểu quyết bao gồm.....</li> <li>● Thời hạn gửi về công ty.....</li> <li>● Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch.....</li> </ul> <p>b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định;  c. Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện tương tự hợp Đại hội Đồng cổ đông;  d. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông  - Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập;  - HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;  e. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông:  - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân.....  Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:  ● Gửi thư:.....  ● Gửi Fax hoặc thư điện tử:.....  - Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn.....  f. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu  - HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu</p>	<p><b>Lý do sửa đổi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.</li> <li>+ Lưu tài liệu....</li> </ul> <p>(Áp dụng Điều 149 Luật doanh nghiệp năm 2020).  - Thay đổi tỷ lệ, Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Thay vì trước đây là trên 51%.  (Khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp năm 2020).  Tách khoản 7, 8 Điều 12 Quy chế nội bộ quản trị Công ty hiện hành, thành một Điều Khoản mới: Điều 19. Công bố Nghị Quyết và Biên Bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên Bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản ra công chúng.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc</p>	<p>dưới sự chứng kiến của Người phụ trách quản trị Công ty hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp.....Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:.....</p> <p>g. Thông qua quyết định của ĐHDCCD: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>h. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ.....</p> <p>3. HDQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Bầu bổ sung hoặc bầu tạm thời nhân sự vào vị trí thành viên HĐQT, khi số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>b. Xin ý kiến cổ đông thông qua Nghị quyết ĐHDCCD thường niên.</p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
17.	<p>kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 19. Công bố Nghị Quyết và Biên Bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên Bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản ra công chúng</b> (Xem chi tiết Dự thảo)</p>	<p>Bổ sung thêm điều khoản, tách mục 7, 8 Điều 12 ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản quy chế quản trị nội bộ hiện hành thành một điều khoản mới.</p>
18.		<p><b>Điều 20. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ</b> (Xem chi tiết Dự thảo)</p>	<p>- Áp dụng Điều 151 Luật doanh nghiệp năm 2020.</p>
19.		<p><b>Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</b> (Xem chi tiết Dự thảo)</p>	<p>- Bổ sung thêm điều khoản về hình thức ĐHĐCĐ trực tuyến (điểm b, Khoản 2 Điều 41 Luật chứng khoán năm 2019 và Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP).</p> <p>- Khoản 5 Điều 2 Phụ Lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>